

BỘ QUỐC PHÒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/2006/TT-BQP

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2006

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng**

Thực hiện khoản 1 Điều 27 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng (*sau đây viết gọn là Nghị định số 26/2006/NĐ-CP*), Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2006/NĐ-CP như sau:

1. Hệ thống của Thanh tra quốc phòng quy định tại Điều 1 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1.1. Thanh tra quốc phòng thuộc hệ thống Thanh tra Nhà nước được tổ chức thành hệ thống, thống nhất trong quân đội. Hoạt động của Thanh tra quốc phòng theo các quy định của pháp luật về Thanh tra và Thanh tra quốc phòng.

1.2. Quan hệ giữa cơ quan Thanh tra Bộ Quốc phòng và cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp là quan hệ giữa cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cấp trên với cơ quan nghiệp vụ cấp dưới.

1.3. Cơ quan Thanh tra Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu ngành Thanh tra quốc phòng có trách nhiệm: Chủ trì trong xây dựng kế hoạch, quy hoạch, kiểm tra về tổ chức, biên chế và hoạt động của ngành Thanh tra quốc phòng trong toàn quân; nghiên cứu, biên soạn tài liệu, chỉ đạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho Thanh tra viên toàn ngành; hàng năm lập dự trù và phân bổ ngân sách, kinh phí nghiệp vụ cho Thanh tra quốc phòng các cấp; phối hợp với Ban Công đoàn quốc phòng thuộc Tổng cục Chính trị hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trong quân đội hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra nhân dân.

1.4. Thanh tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của cơ quan mình về Thanh tra Bộ Quốc phòng theo quy định.

2. Đối tượng của Thanh tra quốc phòng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

2.1. Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP quy định về đối tượng trong thanh tra chấp hành pháp luật Việt Nam về quốc phòng và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Thanh tra Bộ Quốc phòng tiến hành thanh tra đối với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức kinh tế, các cơ quan đoàn thể ở Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh).

b) Thanh tra quốc phòng quân khu tiến hành thanh tra đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức kinh tế và cơ quan, đoàn thể địa phương và Trung ương trên địa bàn quân khu.

c) Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh tiến hành thanh tra đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các ban, ngành, xã, phường, thị trấn thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các tổ chức kinh tế và các cơ quan đoàn thể của địa phương và Trung ương trên địa bàn tỉnh.

d) Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các tổng cục; quân chủng; Bộ đội biên phòng đang được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ giúp Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước chuyên ngành trên một số lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng. Khi Thanh tra Bộ Quốc phòng yêu cầu thì Thanh tra Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các tổng cục; quân chủng; Bộ đội biên phòng tiến hành thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực liên quan dưới sự chỉ đạo của Thanh tra Bộ Quốc phòng.

2.2. Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

a) Đối tượng là tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong quá trình hoạt động có liên quan đến pháp luật về quốc phòng của Việt Nam;

b) Chỉ có Thanh tra Bộ Quốc phòng mới được tiến hành thanh tra chấp hành pháp luật về quốc phòng của Việt Nam đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến pháp luật về quốc phòng Việt Nam.

c) Khi được Thanh tra Bộ Quốc phòng giao, Thanh tra Bộ đội biên phòng được tiến hành thanh tra tổ chức và cá nhân nước ngoài trong phạm vi quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thuộc nhiệm vụ của Bộ đội biên phòng.

3. Trách nhiệm người chỉ huy các cấp trong tổ chức và hoạt động Thanh tra quốc phòng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

3.1. Chỉ đạo hoạt động thanh tra, chịu trách nhiệm trước người chỉ huy cấp trên về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của mình.

3.2. Kiện toàn tổ chức, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh của cơ quan thanh tra cùng cấp. Bố trí cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt làm công tác thanh tra.

3.3. Căn cứ vào định hướng chương trình công tác của cơ quan thanh tra cấp trên, chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra thuộc quyền quản lý.

3.4. Định kỳ nghe cơ quan thanh tra thuộc quyền quản lý báo cáo và báo cáo với cơ quan thanh tra cấp trên về hoạt động thanh tra cấp mình. Giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc về công tác thanh tra.

3.5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

3.6. Bảo đảm kinh phí, vật chất, điều kiện làm việc cho cơ quan thanh tra hoạt động theo quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Hoạt động thanh tra ở các cơ quan, đơn vị không có cơ quan Thanh tra quốc phòng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

4.1. Các cơ quan, đơn vị tương đương cấp trung đoàn trở lên không có cơ quan thanh tra được quy định như sau:

a) Các cơ quan và các cục trực thuộc Bộ Quốc phòng; Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các tổng cục.

b) Các cơ quan cấp cục thuộc quân khu, quân chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng; cấp trung đoàn, Hải đoàn Bộ đội biên phòng, lữ đoàn, sư đoàn, Vùng Hải quân.

c) Các Ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Trường quân sự của quân đoàn, quân khu, các học viện, nhà trường thuộc tổng cục, quân chủng, Bộ đội biên phòng.

4.2. Nhiệm vụ của cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thanh tra:

a) Tiếp nhận, đăng ký, phân loại đơn thư khiếu nại, tố cáo. Làm tham mưu giúp chỉ huy cùng cấp giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo tiếp công dân. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

b) Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra do thanh tra cấp trên tiến hành tại cơ quan, đơn vị mình. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do thanh tra cấp trên tổ chức.

5. Hệ thống tổ chức Thanh tra quốc phòng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

5.1. Các cơ quan, đơn vị tương đương với quân đoàn, binh chủng có thanh tra gồm:

- a) Học viện, nhà trường, trung tâm, bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng.
- b) Tổng công ty, binh đoàn trực thuộc Bộ Quốc phòng.
- c) Một số cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng; tổng cục hiện đang có thanh tra chuyên ngành.

5.2. Căn cứ vào quy hoạch tổ chức lực lượng của Quân đội trong từng thời kỳ. Để bảo đảm tổ chức, biên chế và trang bị thống nhất trong toàn ngành Thanh tra quốc phòng, Thanh tra quốc phòng các cấp có trách nhiệm xây dựng tổ chức, biên chế, trang bị cụ thể báo cáo với Đảng ủy, chỉ huy cùng cấp và Thanh tra quốc phòng cấp trên. Thanh tra Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng và thống nhất với các cơ quan chức năng có liên quan của Bộ Quốc phòng về tổ chức biên chế, trang bị của toàn ngành Thanh tra quốc phòng trước khi trình Đảng ủy quân sự Trung ương và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định

a) Tổ chức các cơ quan thanh tra:

- Thanh tra Bộ quốc phòng có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra; các cơ quan: Thanh tra Lục quân, Thanh tra Quân chủng, Thanh tra Hậu cần - Kỹ thuật, Thanh tra Xét khiếu tố, Văn phòng Thanh tra Bộ Quốc phòng, Ban Khoa học - Tổng kết, Ban Chuyên viên thường trực chống tham nhũng, Ban Tài chính và Ban Chính trị.

- Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh; Thanh tra

quân chủng, Bộ đội biên phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và cán bộ tiếp công dân.

- Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương có Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và cán bộ tiếp công dân.

- Thanh tra các bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng có Thanh tra viên.

b) Biên chế cụ thể của hệ thống Thanh tra quốc phòng, nhóm chức vụ, trần quân hàm của cán bộ thanh tra toàn quân do Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị quyết định sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng.

5.3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và các chức danh khác thuộc cơ quan Thanh tra Bộ Quốc phòng và thanh tra các cấp thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, thu hồi thẻ Thanh tra viên thực hiện theo Luật Thanh tra và các quy định của Chính phủ về Thanh tra viên.

5.4. Các cơ quan Thanh tra quốc phòng có con dấu riêng gồm:

- a) Thanh tra Bộ Quốc phòng, Văn phòng Thanh tra Bộ Quốc phòng;
- b) Thanh tra quốc phòng quân khu;
- c) Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh;
- d) Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục;
- đ) Thanh tra quân chủng;
- e) Thanh tra Bộ đội biên phòng.

6. Chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra quốc phòng quân khu và Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh và nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Quốc phòng đối với thanh tra chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

6.1. Chức năng thanh tra hành chính là: Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, chỉ thị, mệnh lệnh, quyết định của người chỉ huy cùng cấp đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền.

6.2. Chức năng thanh tra chuyên ngành là:

- a) Thanh tra thực hiện nhiệm vụ quốc phòng: Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh

tra các bộ, ngành, địa phương tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng theo thẩm quyền quản lý nhà nước của người chỉ huy cùng cấp đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân.

b) Một số cơ quan chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc Bộ Quốc phòng có tổ chức thanh tra, thì các tổ chức thanh tra này làm nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo chức năng quản lý nghiệp vụ của cơ quan, nhưng phải theo sự chỉ đạo về nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ Quốc phòng và các quy định về hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

6.3. Nội dung quản lý, chỉ đạo các cơ quan thanh tra chuyên ngành được tổ chức ở một số cơ quan, đơn vị gồm:

a) Các cơ quan, đơn vị có cơ quan thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng để thống nhất xây dựng biên chế, tổ chức cho cơ quan thanh tra chuyên ngành cấp mình trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Thanh tra Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động thanh tra chuyên ngành đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết với các cơ quan thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng.

7. Quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chuyển ra khỏi ngành, thôi phục vụ tại ngũ đối với Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quốc phòng cùng cấp. Nếu Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng không thống nhất hoặc còn ý kiến khác thì các cơ quan, đơn vị phải nghiên cứu, tìm nhân sự mới để đảm bảo sự nhất trí trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh trong việc giúp tỉnh đội trưởng lập kế hoạch thanh tra quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

8.1. Hàng năm, Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh đội, trình Tỉnh đội trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó theo đúng quy định của pháp luật.

8.2. Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có trách nhiệm chủ động phối hợp với Thanh tra tỉnh giúp Tỉnh đội trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng hàng năm trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó theo đúng quy định của pháp luật.

8.3. Các kế hoạch thanh tra năm sau phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

8.4. Kế hoạch thanh tra phải thể hiện rõ các nội dung sau: Nội dung các cuộc thanh tra trong năm sau; đối tượng thanh tra; thời gian; địa điểm tiến hành thanh tra; thành phần Đoàn thanh tra; phương tiện, vật chất, nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động thanh tra.

9. Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

9.1. Ngoài các tiêu chuẩn của Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Thanh tra viên quốc phòng phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm cao, liêm khiết trung thực, công minh, khách quan.

b) Tốt nghiệp đại học, có kiến thức quản lý nhà nước và kiến thức pháp luật. Đối với Thanh tra viên chuyên ngành cần phải có kiến thức chuyên môn của chuyên ngành đó.

c) Thanh tra viên ở cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp phải có cương vị chỉ huy tương ứng với nhiệm vụ được giao như sau:

- Thanh tra viên cơ quan Thanh tra Bộ Quốc phòng đã qua cương vị chỉ huy cấp Trung đoàn trưởng và tương đương trở lên.

- Thanh tra viên cơ quan Thanh tra Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các tổng cục; quân khu; quân chủng; quân đoàn; binh chủng đã qua cương vị chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên.

- Thanh tra viên Bộ đội biên phòng đã qua cương vị Đồn trưởng biên phòng và tương đương.

- Thanh tra viên cơ quan Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh đã qua cương vị chỉ huy cấp tiểu đoàn và tương đương.

- Thanh tra viên chuyên môn, kỹ thuật phải có trình độ tương ứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

9.2. Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng: Là người không phải trong ngành Thanh tra quốc phòng, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nội dung thanh tra, được cơ quan Thanh tra quốc phòng yêu cầu tham gia một phần hoặc từng cuộc thanh tra.

Tiêu chuẩn chế độ đãi ngộ đối với Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng theo quy định chung của Chính phủ.

10. Thời hạn thanh tra quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Thời gian một cuộc thanh tra hành chính đối với từng cấp thanh tra thực hiện theo quy định của Nghị định số 26/2006/NĐ-CP. Thời gian một cuộc thanh tra chuyên ngành không quá 30 ngày (kể cả thời gian gia hạn), không kể ngày lễ, ngày nghỉ.

11. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và ra quyết định thanh tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

11.1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra

a) Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Chánh Thanh tra các cấp có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình người chỉ huy cùng cấp phê duyệt.

b) Trường hợp cần điều chỉnh chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm, Chánh thanh tra các cấp có văn bản đề nghị điều chỉnh, trình người chỉ huy cùng cấp phê duyệt.

11.2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chương trình, kế hoạch thanh tra hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch thanh tra, người chỉ huy các cấp có trách nhiệm xem xét, quyết định, thông báo cho cơ quan thanh tra và các cơ quan liên quan biết.

11.3. Thẩm quyền và trách nhiệm của người chỉ huy cùng cấp được ra quyết định thanh tra đột xuất như sau:

a) Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thanh tra đột xuất do Chánh Thanh tra đề nghị người chỉ huy cùng cấp quyết định hoặc do người chỉ huy cùng cấp giao.

b) Chánh Thanh tra trình người chỉ huy cùng cấp ra quyết định thanh tra đột xuất. Chậm nhất 5 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị việc tiến hành thanh tra đột xuất của Chánh Thanh tra, người chỉ huy cùng cấp có trách nhiệm xem xét, quyết định và thông báo cho Chánh Thanh tra cùng cấp biết.

12. Việc ủy quyền kết luận thanh tra quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

12.1. Trường hợp ủy quyền kết luận thanh tra: Chỉ ủy quyền đối với từng cuộc thanh tra.

12.2. Phương pháp ủy quyền kết luận thanh tra: Việc ủy quyền phải được tiến hành bằng văn bản có thể ghi trong quyết định thanh tra hoặc bằng văn bản riêng.

12.3. Văn bản kết luận thanh tra do người được ủy quyền ký, được đóng dấu của cơ quan người ủy quyền hoặc của cơ quan thanh tra cùng cấp.

13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra trong thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra quy định tại khoản 2, Điều 23 Nghị định số 26/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Sau khi nhận được kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra các cơ quan, đơn vị và cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện đúng, đủ nội dung, thời gian, các yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, gồm:

a) Ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định theo thẩm quyền để xử lý về hành chính, kinh tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

b) Ra quyết định thu hồi tiền, tài sản của đối tượng có hành vi vi phạm.

c) Yêu cầu người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tiến hành các biện pháp xử lý về hành chính, kinh tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và báo cáo kết quả xử lý.

d) Áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để khắc phục sơ hở, yếu kém trong công tác quản lý; sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan cấp trên có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, phải báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan đã ra kết luận thanh tra.

e) Đối với thanh tra, xác minh giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thì thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

g) Nếu cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra không thi hành hoặc thi hành không đúng các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thì cơ quan thanh tra yêu cầu người chỉ huy quản lý trực tiếp của đối tượng thanh tra áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền buộc đối tượng thanh tra phải thực hiện.

h) Trường hợp cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra cố ý không thực hiện hoặc người chỉ huy quản lý trực tiếp của đối tượng thanh tra thiếu trách nhiệm, cố tình bao che thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

14. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phạm Văn Trà